

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN THỂ CHẤP LÀ HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THANH HÒA
HVCH Luật Kinh tế 4C, Trường Đại học Cửu Long

Nhận bài ngày 22/4/2026. Sửa chữa xong 17/5/2026. Duyệt đăng 23/5/2026.

Abstract

This article analyzes the theoretical and legal basis for the handling of collateral as circulating goods in the process of production and business in Vietnam today. The study points out the results achieved by the current law such as recognizing circulating goods as collateral, allowing the mortgagor to sell, replace, exchange assets in the course of business and gradually improving the mechanism for registering secured transactions. However, there are still many problems in practice in terms of asset identification, cash flow control, alternative assets and payment priority. From there, this article proposes solutions to improve the law.

Keywords: Goods in circulation, handling of collateral, the law on handling of mortgaged assets, production and business.

1. Đặt vấn đề

Trong hoạt động tín dụng và sản xuất kinh doanh, tài sản bảo đảm giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của bên cho vay, đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn. Bên cạnh các tài sản cố định như bất động sản, máy móc, thiết bị, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh ngày càng được sử dụng phổ biến làm tài sản thế chấp. Đây là loại tài sản có giá trị kinh tế lớn, gắn trực tiếp với hoạt động thường xuyên của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp thương mại, sản xuất, phân phối. Tuy nhiên, hàng hóa luân chuyển có đặc điểm thường xuyên thay đổi về số lượng, chủng loại, chất lượng, giá trị và vị trí lưu giữ. Vì vậy, khi bên thế chấp vi phạm nghĩa vụ trả nợ, việc xác định, kiểm kê, thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm thường gặp nhiều khó khăn. Mặc dù pháp luật Việt Nam đã ghi nhận cơ chế thế chấp hàng hóa luân chuyển, nhưng các quy định về tài sản thay thế, kiểm soát dòng tiền, quyền ưu tiên thanh toán và bảo vệ bên thứ ba ngay tình vẫn còn bất cập. Do đó, việc nghiên cứu giải pháp hoàn thiện pháp luật về vấn đề này là cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đặc thù của khoa học pháp lý. Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng để làm rõ cơ sở lý luận về tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển và hệ thống hóa các quy định pháp luật có liên quan. Phương pháp diễn giải pháp luật được vận dụng nhằm phân tích nội dung Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị định của Chính phủ số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và các quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm (Nghị định 21/2021/NĐ-CP). Phương pháp so sánh được sử dụng để đối chiếu giữa quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng. Ngoài ra, phương pháp đánh giá thực tiễn giúp nhận diện hạn chế, bất cập và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật.

Email: hoa.nguyen250913@gmail.com.

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý luận và pháp lý về xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển

Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh là những tài sản có đặc điểm thường xuyên biến động trong chu trình sản xuất, mua bán, trao đổi, tiêu thụ của doanh nghiệp. Tác giả Trần Quang Huy (2020) quan niệm, “các hàng hóa này có vai trò quan trọng trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, và việc thế chấp chúng thường mang tính phức tạp hơn so với tài sản cố định, do tính chất biến đổi và khó quản lý”. Theo Nguyễn Thị Minh (2021), “hàng hóa luân chuyển trong sản xuất kinh doanh là loại hàng hóa thường xuyên được mua bán, trao đổi, hoặc thay thế trong quá trình sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp. Đây là các tài sản lưu động, thường bao gồm nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, hàng hóa thành phẩm hoặc hàng hóa trong kho, có tính chất tạm thời, không cố định và thường xuyên biến đổi theo nhu cầu kinh doanh”.

Tại khoản 8, Điều 3, Nghị định của Chính phủ số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm giải thích: “Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh là động sản dùng để trao đổi, mua bán, cho thuê trong phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh của bên bảo đảm”. Từ các quan niệm và quy định pháp luật nêu trên, có thể hiểu: *Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh là các động sản thuộc nhóm tài sản lưu động, được sử dụng thường xuyên trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của bên bảo đảm nhằm trao đổi, mua bán, cho thuê, thay thế hoặc chuyển hóa trong quá trình kinh doanh.* Đây là loại tài sản có tính biến động cao, không cố định về số lượng, chủng loại, giá trị và trạng thái tồn tại; thường bao gồm nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm, hàng tồn kho hoặc các hàng hóa khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Khác với tài sản cố định, hàng hóa luân chuyển có đặc điểm là thường xuyên được đưa vào lưu thông, mua bán, trao đổi hoặc thay thế theo nhu cầu kinh doanh. Vì vậy, khi được dùng làm tài sản thế chấp, bên thế chấp vẫn có thể tiếp tục khai thác, bán, thay thế hoặc trao đổi tài sản đó trong phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chính tính chất biến đổi liên tục này làm cho việc quản lý, xác định và xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trở nên phức tạp hơn so với các loại tài sản bảo đảm thông thường.

Cơ sở pháp lý về xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam hiện nay được hình thành từ nhiều nhóm quy định khác nhau.

3.1.1. Quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về thế chấp tài sản, quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp, bên nhận thế chấp, hiệu lực của hợp đồng thế chấp và xử lý tài sản bảo đảm. Điều 317 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Thế chấp tài sản là việc một bên dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia”; đồng thời “tài sản thế chấp do bên thế chấp giữ”. Đối với hàng hóa luân chuyển, khoản 4 Điều 321 ghi nhận quyền đặc thù của bên thế chấp là: “Được bán, thay thế, trao đổi tài sản thế chấp, nếu tài sản đó là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh”. Đây là căn cứ quan trọng cho phép doanh nghiệp vừa dùng hàng hóa làm tài sản bảo đảm, vừa tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh bình thường. Khi nghĩa vụ được bảo đảm không được thực hiện, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 đặt ra căn cứ xử lý tài sản bảo đảm, trong đó có trường hợp: “Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”.

3.1.2. Quy định của Nghị định 21/2021/NĐ-CP về tài sản bảo đảm, xác lập, thực hiện và xử lý biện pháp bảo đảm. Nghị định này quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, bao gồm “tài sản bảo đảm; xác lập, thực hiện biện pháp bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm”. Đây là văn bản hướng dẫn quan trọng, giúp cụ thể hóa các quy định chung của Bộ luật Dân sự, nhất là trong việc xác định tài sản bảo đảm, quyền của các bên và phương thức xử lý tài sản khi phát sinh vi phạm nghĩa vụ.

3.1.3. Quy định pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm, xác lập hiệu lực đối kháng với người thứ ba và thứ tự ưu tiên thanh toán. Theo Điều 297 Bộ luật Dân sự năm 2015, biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba từ khi đăng ký biện pháp bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm. Đối với hàng hóa luân chuyển là động sản, việc đăng ký biện pháp bảo đảm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì tài sản thường xuyên thay đổi, dễ chuyển dịch và khó kiểm

soát. Nghị định của Chính phủ số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm tiếp tục quy định về “đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tài sản”, góp phần công khai hóa tình trạng pháp lý của tài sản và xác định thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên nhận bảo đảm.

3.1.4. Quy định của pháp Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 chú trọng hơn đến xử lý nợ xấu và tài sản bảo đảm. Chương XII của Luật này quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm, tạo cơ sở để tổ chức tín dụng thu hồi nợ thông qua xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận và theo quy định pháp luật. Điều này có ý nghĩa thực tiễn lớn đối với tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển, bởi đây là loại tài sản có tính biến động cao, dễ bị tẩu tán, thay thế hoặc chuyển hóa thành tiền, khoản phải thu trong quá trình kinh doanh.

3.2. Thực trạng pháp luật xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh ở Việt Nam

3.2.1. Những kết quả đạt được

Pháp luật Việt Nam đã thừa nhận hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh có thể được dùng làm tài sản bảo đảm. Đây là kết quả quan trọng, phù hợp với nhu cầu huy động vốn của doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong thực tiễn, không phải doanh nghiệp nào cũng có nhiều bất động sản, máy móc, thiết bị hoặc tài sản cố định để thế chấp khi vay vốn ngân hàng. Nhiều doanh nghiệp thương mại, sản xuất, phân phối lại có giá trị tài sản chủ yếu nằm ở hàng tồn kho, nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm hoặc hàng hóa đang trong quá trình lưu thông. Việc pháp luật cho phép dùng hàng hóa luân chuyển làm tài sản thế chấp đã mở rộng khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp. Theo Bộ luật Dân sự năm 2015, thế chấp tài sản là việc một bên dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên nhận thế chấp; tài sản thế chấp vẫn do bên thế chấp giữ, trừ trường hợp có thỏa thuận giao cho người thứ ba giữ. Cách tiếp cận này phù hợp với bản chất của hàng hóa luân chuyển, bởi nếu buộc doanh nghiệp phải giao toàn bộ hàng hóa cho bên nhận thế chấp thì hoạt động kinh doanh sẽ bị đình trệ. Nghị định 21/2021/NĐ-CP cũng tiếp tục khẳng định phạm vi điều chỉnh về tài sản bảo đảm, xác lập, thực hiện biện pháp bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm, qua đó tạo cơ sở pháp lý chung cho việc sử dụng nhiều loại tài sản, bao gồm cả tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai, để bảo đảm nghĩa vụ.

Pháp luật đã tạo cơ chế linh hoạt khi cho phép bên thế chấp tiếp tục bán, thay thế, trao đổi hàng hóa trong quá trình kinh doanh. Đây là điểm đặc thù của thế chấp hàng hóa luân chuyển so với thế chấp tài sản cố định. Khoản 4 Điều 321 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bên thế chấp được “bán, thay thế, trao đổi tài sản thế chấp, nếu tài sản đó là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh”. Quy định này có ý nghĩa thực tiễn lớn vì hàng hóa luân chuyển vốn được tạo ra để lưu thông, mua bán, chế biến, thay thế và tái tạo trong chu trình kinh doanh. Ví dụ, một doanh nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng có thể dùng kho xi măng, sắt thép, gạch men làm tài sản thế chấp tại ngân hàng. Trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp vẫn được bán số hàng này cho khách hàng và nhập về lô hàng mới để tiếp tục duy trì hoạt động. Nếu pháp luật không cho phép bán hoặc thay thế hàng hóa đã thế chấp, tài sản bảo đảm sẽ bị “đóng băng”, làm mất ý nghĩa kinh tế của hàng hóa và ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của chính doanh nghiệp. Một số phân tích pháp lý cũng chỉ ra rằng đối với kho hàng, bên thế chấp có quyền thay thế hàng hóa trong kho nhưng phải bảo đảm giá trị hàng hóa trong kho theo đúng thỏa thuận với bên nhận bảo đảm.

Hệ thống pháp luật về giao dịch bảo đảm đã có những bước hoàn thiện thông qua Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định 21/2021/NĐ-CP. Trước đây, các quy định về giao dịch bảo đảm còn phân tán, chưa thật sự bao quát đầy đủ các dạng tài sản biến động trong sản xuất, kinh doanh. Việc ban hành Bộ luật Dân sự năm 2015 và sau đó là Nghị định 21/2021/NĐ-CP đã tạo khuôn khổ pháp lý tương đối thống nhất hơn về xác lập, thực hiện và xử lý biện pháp bảo đảm. Nghị định 21/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/5/2021, thay thế Nghị định 163/2006/NĐ-CP, đồng thời bổ sung, cụ thể hóa nhiều nội dung liên quan đến tài sản bảo đảm và xử lý tài sản bảo đảm. Đối với hàng hóa luân chuyển, điểm tiến bộ là pháp luật không chỉ nhìn nhận tài sản bảo đảm ở trạng thái tĩnh, mà bước đầu thừa nhận tính biến

động của tài sản trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Điều này tạo điều kiện cho tổ chức tín dụng và doanh nghiệp thiết kế hợp đồng thế chấp phù hợp hơn, chẳng hạn mô tả tài sản theo kho hàng, chủng loại, giá trị tài sản, địa điểm lưu giữ hoặc giá trị tồn kho tối thiểu.

Hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm và xác lập hiệu lực đối kháng với người thứ ba ngày càng được chú trọng. Đối với hàng hóa luân chuyển, việc đăng ký biện pháp bảo đảm có ý nghĩa rất quan trọng vì tài sản thường xuyên thay đổi, dễ bị bán, chuyển giao hoặc pha trộn với hàng hóa khác. Khi biện pháp bảo đảm được đăng ký, quyền của bên nhận bảo đảm có cơ sở để phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba, từ đó giúp bảo vệ tốt hơn quyền lợi của ngân hàng hoặc chủ nợ có bảo đảm. Pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm hiện nay đã quy định cơ chế đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tài sản, góp phần công khai hóa tình trạng pháp lý của tài sản và hạn chế rủi ro nhiều chủ thể cùng nhận bảo đảm đối với một khối tài sản. Trong thực tế, khi ngân hàng nhận thế chấp hàng tồn kho, việc đăng ký giao dịch bảo đảm giúp ngân hàng có căn cứ pháp lý để xác lập quyền ưu tiên thanh toán nếu bên vay mất khả năng trả nợ hoặc phát sinh tranh chấp với chủ nợ khác.

3.2.2. Những hạn chế, bất cập

Thứ nhất, pháp luật chưa quy định thật rõ cơ chế xác định tài sản thế chấp tại thời điểm xử lý. Hàng hóa luân chuyển thường xuyên thay đổi về số lượng, chủng loại, chất lượng, giá trị và vị trí lưu giữ, nên việc xác định tài sản thế chấp tại thời điểm xử lý rất khó khăn. Khi bên thế chấp vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hàng hóa ban đầu có thể đã được bán, thay thế, chuyển thành khoản phải thu hoặc đang vận chuyển đến địa điểm khác. Nếu hợp đồng thế chấp không mô tả rõ cơ chế thay thế, giá trị tồn kho tối thiểu, địa điểm lưu giữ và nghĩa vụ báo cáo biến động, việc kê biên, thu giữ, xử lý tài sản sẽ gặp nhiều vướng mắc.

Thứ hai, quyền của bên nhận thế chấp đối với tiền bán hàng hoặc khoản phải thu phát sinh từ việc bán hàng hóa thế chấp chưa được thiết kế đầy đủ trong thực tiễn áp dụng. Khi hàng hóa luân chuyển được bán, tiền bán hàng, khoản phải thu hoặc tài sản thay thế có thể tiếp tục trở thành tài sản thế chấp. Tuy nhiên, thực tế ngân hàng rất khó kiểm soát dòng tiền sau bán hàng. Doanh nghiệp có thể chuyển tiền vào nhiều tài khoản khác nhau hoặc dùng để thanh toán cho đối tác khác, khiến ngân hàng khó xác định nguồn tiền còn thuộc phạm vi tài sản bảo đảm hay không. Bất cập này làm suy giảm quyền của bên nhận thế chấp, nhất là khi hàng hóa đã được bán cho bên thứ ba ngay tình (Phạm Lê Trâm Anh & Lê Văn Sơn, 2024).

Thứ ba, cơ chế giám sát hàng hóa luân chuyển còn thiếu hiệu quả. Bên nhận thế chấp thường dựa vào báo cáo tồn kho, chứng từ kế toán, hóa đơn, sổ sách hoặc cam kết của bên vay để giám sát hàng hóa luân chuyển. Tuy nhiên, nếu bên vay báo cáo không trung thực, tự ý chuyển kho, bán hàng ngoài sổ sách, thay đổi chủng loại hoặc không duy trì giá trị tài sản bảo đảm thì ngân hàng khó phát hiện kịp thời. Khi phát sinh nợ xấu, giá trị tài sản thực tế có thể thấp hơn nhiều so với nghĩa vụ bảo đảm. Điều này cho thấy cơ chế giám sát, kiểm kê, định giá lại và kiểm soát dòng tiền còn nhiều hạn chế.

Thứ tư, quy định về quyền ưu tiên thanh toán trong trường hợp tài sản đã chuyển hóa thành tài sản khác, tiền hoặc khoản phải thu chưa thật sự rõ ràng trong thực tiễn xử lý tranh chấp. Vấn đề đặt ra là khi hàng hóa thế chấp đã được bán và chuyển hóa thành khoản phải thu, tiền trong tài khoản hoặc hàng hóa mới, quyền ưu tiên của bên nhận thế chấp sẽ được xác định như thế nào nếu đồng thời xuất hiện chủ nợ khác, cơ quan thi hành án hoặc bên nhận bảo đảm khác. Nếu các khoản tiền bán hàng đã hòa lẫn với nguồn tiền khác của doanh nghiệp, việc chứng minh nguồn gốc tài sản thay thế rất khó khăn. Trong khi đó, hàng hóa luân chuyển lại thường được mua bán liên tục, nên việc truy vết từng dòng tiền hoặc từng lô hàng đòi hỏi hệ thống kế toán, hóa đơn, quản lý kho và tài khoản thanh toán phải minh bạch.

Thứ năm, trình tự, thủ tục xử lý tài sản bảo đảm trong thực tế còn phức tạp, dễ phát sinh tranh chấp giữa bên nhận thế chấp, bên thế chấp, bên mua hàng hóa, cơ quan thi hành án và các chủ nợ khác. So với tài sản cố định, việc xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển phức tạp hơn do tài sản thường phân tán, biến động liên tục, có thể nằm trong kho, trên đường vận chuyển, gửi bán tại đại lý hoặc đã bán cho khách hàng. Nếu bên thế chấp không hợp tác, ngân hàng khó kiểm kê, thu giữ và ngăn chặn tẩu tán tài sản. Khi hàng hóa đã bán cho bên thứ ba ngay tình, việc thu hồi hiện vật có thể ảnh hưởng

đến an toàn giao dịch. Vì vậy, cần hoàn thiện pháp luật về tài sản thay thế, kiểm soát dòng tiền, đăng ký bảo đảm và quyền ưu tiên thanh toán.

3.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh ở Việt Nam hiện nay

Để khắc phục những hạn chế trong pháp luật và thực tiễn xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng vừa bảo vệ quyền thu hồi nợ hợp pháp của bên nhận thế chấp, vừa bảo đảm quyền tự do kinh doanh, lưu thông hàng hóa và sự an toàn của các giao dịch dân sự, thương mại.

3.3.1. Hoàn thiện quy định về nhận diện, mô tả và xác định tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển tại thời điểm xử lý. Pháp luật cần quy định rõ hơn cách mô tả loại tài sản này trong hợp đồng thế chấp và trong hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm. Thay vì yêu cầu mô tả từng đơn vị hàng hóa một cách cứng nhắc, có thể cho phép mô tả theo nhóm hàng hóa, kho hàng, địa điểm lưu giữ, mã hàng, chủng loại, giá trị tồn kho tối thiểu, chu kỳ luân chuyển hoặc phương thức xác định hàng hóa thay thế. Ví dụ, đối với doanh nghiệp kinh doanh vật liệu xây dựng, tài sản thế chấp có thể được mô tả là toàn bộ hàng hóa tồn kho gồm sắt, thép, xi măng, gạch, thiết bị xây dựng tại một hoặc nhiều kho xác định, với giá trị tồn kho tối thiểu theo thỏa thuận. Quy định như vậy sẽ giúp bên nhận thế chấp có căn cứ xác định tài sản tại thời điểm xử lý, hạn chế tranh chấp về việc tài sản nào thuộc phạm vi bảo đảm, tài sản nào đã được thay thế hoặc không còn tồn tại.

3.3.2. Bổ sung cơ chế pháp lý về tài sản thay thế, tiền bán hàng và khoản phải thu phát sinh từ hàng hóa thế chấp. Pháp luật cần quy định rõ ràng khi hàng hóa thế chấp được bán, trao đổi, chế biến hoặc thay thế hợp pháp, quyền của bên nhận thế chấp có thể tiếp tục được duy trì đối với tài sản thay thế, tiền thu được từ việc bán hàng hoặc khoản phải thu phát sinh từ giao dịch bán hàng. Đây là cơ chế “truy theo giá trị” của tài sản bảo đảm. Chẳng hạn, nếu doanh nghiệp thế chấp kho cà phê thành phẩm để vay vốn, sau đó bán cà phê cho đối tác và phát sinh khoản phải thu, thì khoản phải thu này cần được xác định là tài sản thay thế thuộc phạm vi bảo đảm, nếu các bên đã có thỏa thuận và đã đăng ký hoặc công khai theo quy định. Cách tiếp cận này vừa không làm đình trệ hoạt động kinh doanh của bên thế chấp, vừa tránh tình trạng ngân hàng mất hoàn toàn quyền bảo đảm khi hàng hóa đã được đưa vào lưu thông.

3.3.3. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát dòng tiền từ việc bán hàng hóa thế chấp. Pháp luật nên ghi nhận rõ hơn quyền thỏa thuận của các bên về tài khoản kiểm soát, tài khoản chuyên dùng hoặc cơ chế thu nợ tự động đối với doanh nghiệp thu phát sinh từ hàng hóa thế chấp. Theo đó, bên thế chấp có thể được quyền bán hàng hóa trong hoạt động kinh doanh bình thường, nhưng doanh nghiệp thu từ việc bán hàng phải được chuyển về tài khoản xác định trước tại ngân hàng nhận thế chấp hoặc tài khoản do các bên thỏa thuận. Khi bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bên nhận thế chấp có quyền yêu cầu phong tỏa, khấu trừ hoặc xử lý số tiền trong tài khoản này theo trình tự pháp luật. Cơ chế này đặc biệt cần thiết đối với doanh nghiệp có hàng tồn kho lớn, tốc độ luân chuyển nhanh, như doanh nghiệp thương mại, phân phối hàng tiêu dùng, nông sản, vật liệu xây dựng, xăng dầu hoặc nguyên vật liệu sản xuất. Nếu kiểm soát được dòng tiền, bên nhận thế chấp sẽ giảm phụ thuộc vào việc thu giữ hàng hóa thực tế, vốn rất khó thực hiện khi tài sản đã phân tán hoặc chuyển giao cho bên thứ ba.

3.3.4. Nâng cao hiệu quả đăng ký biện pháp bảo đảm và xác lập thứ tự ưu tiên thanh toán. Pháp luật cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống đăng ký theo hướng cho phép đăng ký linh hoạt đối với nhóm tài sản biến động, tài sản thay thế, khoản phải thu và dòng tiền phát sinh từ hàng hóa thế chấp. Nội dung đăng ký cần thể hiện rõ phạm vi tài sản bảo đảm, phương thức mô tả tài sản, địa điểm lưu giữ, giá trị bảo đảm tối thiểu, quyền của bên nhận thế chấp đối với tài sản thay thế và thứ tự ưu tiên thanh toán. Tăng cường khả năng tra cứu công khai, nhanh chóng và chính xác để bên thứ ba, chủ nợ khác hoặc đối tác giao dịch có thể biết tình trạng pháp lý của tài sản. Việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đăng ký biện pháp bảo đảm không chỉ bảo vệ bên nhận thế chấp, mà còn góp phần giảm thiểu rủi ro cho thị trường tín dụng và thương mại.

3.3.5. Thiết lập cơ chế cân bằng giữa bảo vệ bên nhận thế chấp và bảo vệ bên thứ ba ngay tình. Pháp luật cần quy định theo hướng: bên thứ ba mua hàng hóa trong điều kiện bình thường, ngay tình, thanh

toán theo giá thị trường và không biết về hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên thế chấp thì được bảo vệ quyền sở hữu đối với hàng hóa đã mua; đồng thời, quyền của bên nhận thế chấp được chuyển sang tiền bán hàng, khoản phải thu hoặc tài sản thay thế. Cách tiếp cận này bảo đảm sự cân bằng giữa an toàn tín dụng và an toàn lưu thông hàng hóa.

3.3.6. Hoàn thiện trình tự, thủ tục xử lý tài sản bảo đảm và nâng cao trách nhiệm quản trị rủi ro của các tổ chức tín dụng. Pháp luật nên có hướng dẫn riêng về xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển, bao gồm các bước: thông báo vi phạm nghĩa vụ; kiểm kê hàng hóa hiện có; xác định tài sản thay thế, tiền bán hàng, khoản phải thu; định giá tài sản; lựa chọn phương thức xử lý; phân chia số tiền thu được; giải quyết tranh chấp phát sinh. Đối với trường hợp bên thế chấp không hợp tác, tẩu tán tài sản hoặc che giấu thông tin, cần có cơ chế hỗ trợ kịp thời từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan thi hành án hoặc tòa án nhằm bảo vệ quyền hợp pháp của bên nhận thế chấp. Tổ chức tín dụng cũng phải nâng cao trách nhiệm thẩm định và giám sát sau cho vay. Khi nhận thế chấp hàng hóa luân chuyển, ngân hàng cần yêu cầu bên vay cung cấp báo cáo tồn kho định kỳ, chứng từ nhập xuất kho, hóa đơn bán hàng, báo cáo công nợ, hợp đồng mua bán, bảo hiểm hàng hóa và cam kết duy trì giá trị tài sản bảo đảm tối thiểu. Cần ứng dụng công nghệ quản lý kho, hóa đơn điện tử, dữ liệu giao dịch, tài khoản chuyên dùng và hệ thống cảnh báo sớm để kiểm soát rủi ro.

4. Kết luận

Xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh là vấn đề có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động tín dụng, thương mại và bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên trong giao dịch. Pháp luật Việt Nam đã bước đầu ghi nhận loại tài sản này là đối tượng của biện pháp thế chấp, đồng thời cho phép bên thế chấp được bán, thay thế, trao đổi trong quá trình kinh doanh. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn còn nhiều vướng mắc trong việc xác định tài sản, kiểm soát dòng tiền, xử lý tài sản thay thế, bảo vệ quyền ưu tiên thanh toán và quyền lợi của bên thứ ba ngay tình. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng minh bạch, linh hoạt và khả thi hơn, góp phần bảo vệ bên nhận thế chấp, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn và thúc đẩy thị trường tín dụng phát triển an toàn.

Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2006). *Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm*.
- Chính phủ (2021). *Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ*.
- Chính phủ (2022). *Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 về đăng ký biện pháp bảo đảm*.
- Nguyễn Thị Minh (2021). Đặc điểm pháp lý của tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển trong kinh doanh. *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (15).
- Phạm Lê Trâm Anh, Lê Văn Sơn (2024). Bàn về việc xử lý tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển trong hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/ban-ve-viec-xu-ly-tai-san-the-chap-la-hang-hoa-luan-chuyen-trong-hoat-dong-cho-vay-cua-cac-to-chuc-tin-dung-a150986.html>.
- Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*.
- Trần Quang Huy (2020). Quy định pháp luật về thế chấp tài sản luân chuyển trong kinh doanh. *Tạp chí Luật học*, 35(3).